

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
🇻🇳

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Ngày 18 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM – TÒA NHÀ GAS TOWER

Chủ đầu tư:



*Công Ty Cổ Phần Phân Phối
Khí Thấp Áp Dầu Khí Việt Nam*

Đơn vị thực hiện:



*Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ
Công Nghệ Sài Gòn (SGC)*

Năm 2024



SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị
Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
VPĐD/PTN: 65/17 Nguyễn Thị Xinh, Phường Thới
An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
VP Hà Nội: 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, Phường Trung
Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Số: 74/MTLD/2024-GasT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2024

- Thi hành Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ban hành ngày 20/11/2019;
- Thực hiện Luật An toàn, Vệ sinh Lao động số 84/2015/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 25/06/2015; Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 15/05/2016; Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 08/10/2018;
- Căn cứ theo hợp đồng số 74/2023/KTA-SGC ký ngày 28/12/2023 giữa Công ty Cổ Phần Dịch vụ Công Nghệ Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam;
- Căn cứ biên bản quan trắc môi trường lao động số 0403 ngày 04/03/2024 giữa Công ty Cổ Phần Dịch vụ Công Nghệ Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN:

Trụ sở : Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh
VPĐD/PTN : 65/17 Nguyễn Thị Xinh, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
VP Hà Nội : 08-DG2, 125 Phố Đại Linh, Phường Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại : 1900 1713
Mã số thuế : 0310780286
Do Ông : NGUYỄN HỮU DƯƠNG – Phó Giám đốc làm đại diện

Đã tiến hành quan trắc môi trường lao động theo yêu cầu:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM:

Địa chỉ : Lầu 7, Tòa nhà PVGas Tower, số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển,
huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 3784 0445
Mã số Thuế : 0304998686
Do Ông : TRẦN THANH NAM – Giám đốc làm đại diện.

Địa điểm quan trắc : **TẦNG HẦM, TẦNG 1 VÀ TẦNG 3 – TẦNG 6 GAS TOWER, VŨNG TÀU**
Địa chỉ : Gas Tower, số 61B Đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu
Ngày quan trắc : 04/03/2024

I. PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU:

Theo thường quy kỹ thuật của Bộ Y tế - Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường tái bản năm 2015, viết tắt là TQKT – SKNN & MT 2015.

II. PHƯƠNG PHÁP ĐO, PHÂN TÍCH VÀ THIẾT BỊ:

1/ Vi khí hậu: (Theo TQKT – SKNN & MT 2015 - Tương đương với TCVN 5508:2009)

- Nhiệt độ: Máy đo hiện số Kestrel 5000 – Mỹ
- Độ ẩm: Máy đo hiện số Kestrel 5000 – Mỹ
- Tốc độ gió: Máy đo hiện số Testo AG425 – Đức
- Bức xạ nhiệt: Máy đo hiện số Scarlet TWL-1S – Đài Loan

2/ Ánh sáng (Độ rọi): (Theo TQKT – SKNN & MT 2015 - Tương đương với TCVN 5176:1990)

- Máy đo hiện số: Extech EA30 (Digital Lux Meter) – Mỹ

3/ Tiếng ồn: (Theo TQKT – SKNN & MT 2015 - Tương đương với TCVN 7878-2:2010, ISO 1996-2:2007 và TCVN 9799:2013, ISO 9612:2009)

- Máy đo hiện số: Extech 407703 – Đài Loan

4/ Bụi các loại: (Theo QCVN 02:2019/BYT)

- Máy đo hiện số: Kanomax 3432 – Nhật
- Đầu lọc bụi, giấy lọc bụi, chân giá đỡ, bơm hút lưu lượng

5/ Hơi hóa học và khí độc:

- CO₂: Máy phát hiện khí nhanh Extech CO 250 – Mỹ
- CO, O₂: Máy phát hiện khí nhanh IMR EX 660 – Pháp
- Hydrocarbons (1 - 10 C): Theo NIOSH Method 1501

6/ Điện từ trường: (Theo QCVN 25:2016/BYT)

- Máy đo hiện số: Holaday HI 3604 – Mỹ

7/ Tâm sinh lý & Economy: (Theo TQKT – SKNN & MT 2015)

III. THỰC HIỆN QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ CÓ HẠI:

Đã được người sử dụng lao động ghi trong Hồ sơ vệ sinh môi trường lao động bao gồm: Vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, bức xạ nhiệt), ánh sáng (độ rọi), tiếng ồn chung, bụi toàn phần, CO₂, CO, O₂, Hydrocarbons (1 - 10 C), điện từ trường, tâm sinh lý & Ecgonomy.

IV. TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ:

- Tiêu chuẩn Vệ sinh Lao động: Quyết định số 3733/2002/QĐ – BYT.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 25:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp - mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- OSHA – Occupational Safety and Health Administration: Tiêu chuẩn Không khí của Cục An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Liên bang Mỹ.

V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

V.1. CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU

- Mùa tại thời điểm đo: **Mùa nắng**
- Thời tiết: **Trời mát, gió nhẹ**
- Ngày quan trắc: **04/03/2024**
- Thời gian quan trắc: **Sáng: 09h30p – 11h30p**

Bảng 1: Vi khí hậu

QCVN 26:2016/BYT		Nhiệt độ (°C)		Độ ẩm (%)		Vận tốc gió (m/s)	
<i>(Yêu cầu về điều kiện vi khí hậu vùng làm việc)</i>		18-32		40-80		0,2-1,5	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
<i>Ngoài trời lúc 10h00p ngày 04/03/2024</i>		33,5		66,3		0,45 – 1,76	
I./	VĂN PHÒNG BAN QLTN: TẦNG 1, TẦNG HẦM TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU						
01	Tầng hầm – Nhà để xe	30,8		62,7		0,29	
02	Lễ tân	28,7		61,2		0,31	
II./	KHO ĐỘI HTSX: TẦNG 3 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU						
03	Kho đội hỗ trợ sản xuất	28,1		59,6		0,32	
III./	VĂN PHÒNG HTSX: TẦNG 4 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU						
04	Giữa văn phòng tầng 4	29,1		60,5		0,29	
IV./	VĂN PHÒNG XNVT: TẦNG 5,6 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU						
05	Giữa văn phòng tầng 5	27,4		60,8		0,36	
06	Giữa văn phòng tầng 6	27,5		58,7		0,35	
<i>Ngoài trời lúc 11h30p ngày 04/03/2024</i>		34,2		63,7		0,32 – 1,57	
Tổng số		06	00	06	00	06	00

Bảng 2: Bức xạ nhiệt

QCVN 26:2016/BYT (Yêu cầu về điều kiện vi khí hậu vùng làm việc)		Bức xạ nhiệt (W/m²)	
		Tiếp xúc trung bình 25% - 50% DT cơ thể người Giá trị cho phép ≤ 70 (W/m²)	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
I./	VĂN PHÒNG BAN QLTN: TẦNG 1, TẦNG HẦM TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU		
01	Tầng hầm – Nhà để xe	34,9	
02	Lễ tân	21,4	
II./	KHO ĐỘI HTSX: TẦNG 3 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU		
03	Kho đội hỗ trợ sản xuất	17,7	
III./	VĂN PHÒNG HTSX: TẦNG 4 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU		
04	Giữa văn phòng tầng 4	12,9	
IV./	VĂN PHÒNG XNVT: TẦNG 5, 6 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU		
05	Giữa văn phòng tầng 5	15,8	
06	Giữa văn phòng tầng 6	15,1	
Tổng số		06	00

V.2. CÁC YẾU TỐ VẬT LÝ

2.1. Ánh sáng (Độ rọi)

Bảng 3: Ánh sáng (Độ rọi)

<p style="text-align: center;">QCVN 22:2016/BYT (Phân loại lao động theo độ chính xác. Tương ứng theo Văn phòng công sở; Nơi để xe công cộng (trong nhà) & Khu vực chung trong nhà)</p>		ÁNH SÁNG (ĐỘ RỌI) (Lux)	
		* Sử dụng đèn huỳnh quang:	
		(1) Các phòng làm việc chung, phòng hồ sơ, photocopy	≥ 300
		(2) Nhà kho	≥ 100
		(3) Khu vực đỗ xe	≥ 75
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
I./	VĂN PHÒNG BAN QLTN: TẦNG 1, TẦNG HẦM TÒA NHÀ GAS TOWER, VỮNG TÀU		
01	Lễ tân ⁽¹⁾	577	
02	Tầng hầm – Nhà để xe ⁽³⁾	284	
03	Phòng kỹ thuật ⁽¹⁾	322	
II./	KHO ĐỘI HTSX: TẦNG 3 TÒA NHÀ GAS TOWER, VỮNG TÀU		
04	Kho đội hỗ trợ sản xuất ⁽²⁾	409	
III./	VĂN PHÒNG HTSX: TẦNG 4 TÒA NHÀ GAS TOWER, VỮNG TÀU		
05	Sảnh tầng 4 ⁽¹⁾	499	
06	Tổ cơ khí đường ống ⁽¹⁾	521	
07	Tổ điện điều khiển ⁽¹⁾	592	
IV./	VĂN PHÒNG XNVT: TẦNG 5,6 TÒA NHÀ GAS TOWER, VỮNG TÀU		
08	Tầng 5 – Khu vực phòng ATSKMT ⁽¹⁾	625	
09	Tầng 5 – Khu vực phòng HCTC ⁽¹⁾	645	
10	Tầng 6 – Khu vực phòng KTVH ⁽¹⁾	597	
11	Tầng 6 – Phòng kinh doanh ⁽¹⁾	875	
Tổng số		11	00

* Độ rọi duy trì tối đa với các loại hình công việc không vượt quá 10.000 Lux

2.2. Tiếng ồn (dBA)

Bảng 4: Tiếng ồn chung

QCVN 24:2016/BYT (Mức áp suất âm chung hoặc tương đương)		TIẾNG ỒN (dBA)	
(1) Khu vực văn phòng		≤ 65	
(2) Khu vực sản xuất		≤ 85	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
I./	VĂN PHÒNG BAN QLTN: TẦNG 1, TẦNG HẦM TÒA NHÀ GAS TOWER, VĨNG TÀU		
01	Tầng hầm – Nhà để xe ⁽²⁾	64,3	
02	Lễ tân ⁽¹⁾	59,5	
II./	KHO ĐỘI HTSX: TẦNG 3 TÒA NHÀ GAS TOWER, VĨNG TÀU		
03	Kho đội hỗ trợ sản xuất ⁽²⁾	55,9	
III./	VĂN PHÒNG HTSX: TẦNG 4 TÒA NHÀ GAS TOWER, VĨNG TÀU		
04	Giữa văn phòng tầng 4 ⁽¹⁾	52,7	
IV./	VĂN PHÒNG XNVT: TẦNG 5,6 TÒA NHÀ GAS TOWER, VĨNG TÀU		
05	Giữa văn phòng tầng 5 ⁽¹⁾	56,1	
06	Giữa văn phòng tầng 6 ⁽¹⁾	55,2	
Tổng số		06	00

V.3. BỤI CÁC LOẠI

Bảng 5: Bụi không chứa Silic

QCVN 02:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)		BỤI TOÀN PHẦN (mg/m ³)	
Bụi nhóm 4		≤ 8 mg/m³	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
I./	VĂN PHÒNG BAN QLTN: TẦNG 1, TẦNG HẦM TÒA NHÀ GAS TOWER, VỮNG TÀU		
01	Tầng hầm – Nhà để xe	0,28	
02	Lễ tân	0,17	
II./	KHO ĐỘI HTSX: TẦNG 3 TÒA NHÀ GAS TOWER, VỮNG TÀU		
03	Kho đội hỗ trợ sản xuất	0,14	
III./	VĂN PHÒNG HTSX: TẦNG 4 TÒA NHÀ GAS TOWER, VỮNG TÀU		
04	Giữa văn phòng tầng 4	0,11	
IV./	VĂN PHÒNG XNVT: TẦNG 5,6 TÒA NHÀ GAS TOWER, VỮNG TÀU		
05	Giữa văn phòng tầng 5	0,12	
06	Giữa văn phòng tầng 6	0,11	
Tổng số		06	00

Ghi chú: Theo QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc:

- Thời gian làm việc thực tế của Văn phòng công ty là 8 giờ/ca, 40 giờ/tuần.

Nên giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc của bụi toàn phần không chứa silic sẽ được giữ nguyên và quy định theo bảng sau:

Bụi nhóm 4	Tên chất	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
	Bụi hữu cơ, vô cơ không có quy định khác	≤ 8 mg/m³

V.4. HƠI HÓA HỌC VÀ KHÍ ĐỘC

Bảng 6: Hơi khí CO₂, CO, O₂, Hydrocarbons (1 - 10 C)

STT	TÊN HÓA HỌC & KHÍ ĐỘC	CO ₂		CO		O ₂		Hydrocarbons (1 - 10 C)		
		Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG Quyết Định số 3733/2002/QĐ-BYT Tầng lần tối đa (STEL)		≤ 9000 mg/m ³		≤ 20 mg/m ³		THEO OSHA 19,5 % ≤ O ₂ ≤ 23,5 %		≤ 300 mg/m ³		
QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)		Mẫu đạt		Mẫu đạt		Mẫu đạt		Mẫu đạt		
Vị trí đo		Mẫu không đạt		Mẫu không đạt		Mẫu không đạt		Mẫu không đạt		
I./ VẮN PHÒNG BAN QLTN: TẦNG 1, TẦNG HẦM TÒA NHÀ GAS TOWER, VÙNG TÀU										
01	Tầng hầm – Nhà để xe	711		1,79		20,8		-		
02	Lễ tân	964		-		20,8		-		
II./ KHO ĐỘI HTSX: TẦNG 3 TÒA NHÀ GAS TOWER, VÙNG TÀU										
03	Kho đội hỗ trợ sản xuất	875		-		20,8		KPH		
III./ VẮN PHÒNG HTSX: TẦNG 4 TÒA NHÀ GAS TOWER, VÙNG TÀU										
04	Giữa văn phòng tầng 4	1188		-		20,7		-		
IV./ VẮN PHÒNG XNVT: TẦNG 5, 6 TÒA NHÀ GAS TOWER, VÙNG TÀU										
05	Giữa văn phòng tầng 5	1214		-		20,7		-		
06	Giữa văn phòng tầng 6	1198		-		20,7		-		
Tổng số		06	00	01	00	06	00	01	00	

Ghi chú: “-“ : Vị trí không quan trắc.

Theo QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Thời gian làm việc thực tế của công ty là 8 giờ/ca, 40 giờ/ tuần.

Nên giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép các yếu tố hóa học tại nơi làm việc không điều chỉnh và được quy định theo bảng sau:

Tên hóa chất	Công thức hóa học	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
Carbon dioxide	CO ₂	≤ 9000 mg/m ³
Carbon monoxide	CO	≤ 20 mg/m ³

V.5. ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

Bảng 7: Điện từ trường tần số công nghiệp

QCVN 25:2016/BYT (Tần số dòng điện: 50 - 60Hz) - Mức cho phép tiếp xúc		ĐIỆN TRƯỜNG ≤ 5 kV/m		TỪ TRƯỜNG ≤ 400 A/m	
STT	Vị trí quan trắc	Mẫu đạt	Mẫu không đạt	Mẫu đạt	Mẫu không đạt
I./	VĂN PHÒNG BAN QLTN: TẦNG 1, TẦNG HÀM TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU				
01	Tầng hầm – Nhà để xe	0,398		0,687	
02	Lễ tân	0,224		0,468	
II./	KHO ĐỘI HTSX: TẦNG 3 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU				
03	Kho đội hỗ trợ sản xuất	0,428		0,651	
III./	VĂN PHÒNG HTSX: TẦNG 4 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU				
04	Giữa văn phòng tầng 4				
IV./	VĂN PHÒNG XNVT: TẦNG 5, 6 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU				
05	Giữa văn phòng tầng 5	0,375		0,455	
06	Giữa văn phòng tầng 6	0,374		0,588	
Tổng số		06	00	06	00

V.6. ĐÁNH GIÁ ECAGONOMY VỊ TRÍ LAO ĐỘNG & TƯ THẾ LAO ĐỘNG

6.1. Đánh giá Ecagonomy vị trí lao động với máy vi tính

6.1.1. Kích thước bàn ghế (thông số 1)

Vị trí quan trắc	Chỉ số	Kích thước (cm)	Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động (QĐ số 3733/2002/QĐ-BYT)
1/ Bàn làm việc Phòng kỹ thuật, Nhân viên: Vũ Minh Toàn	Chiều cao bàn không điều chỉnh được	78	≥70
	Chiều cao ghế điều chỉnh được	42	35-50
	Chiều sâu lòng ghế	40	38-43
	Chiều rộng tối thiểu của lòng ghế	58	≥45
	Khoảng để chân	74	≥19
	Tầm nhìn	68	≥50
2/ Bàn làm việc Lễ tân, Nhân viên: Lâm Nguyễn Tường Vy	Chiều cao bàn không điều chỉnh được	80	≥70
	Chiều cao ghế điều chỉnh được	44	35-50
	Chiều sâu lòng ghế	41	38-43
	Chiều rộng tối thiểu của lòng ghế	52	≥45
	Khoảng để chân	78	≥19
	Tầm nhìn	65	≥50
3/ Bàn làm việc Kỹ sư cơ khí, Nhân viên: Võ Thanh Hoàng	Chiều cao bàn không điều chỉnh được	80	≥70
	Chiều cao ghế điều chỉnh được	45	35-50
	Chiều sâu lòng ghế	40	38-43
	Chiều rộng tối thiểu của lòng ghế	54	≥45
	Khoảng để chân	78	≥19
	Tầm nhìn	82	≥50
4/ Bàn làm việc Phòng an toàn sức khỏe và môi trường, Nhân viên: Lê Thị Tuyết Mai	Chiều cao bàn không điều chỉnh được	78	≥70
	Chiều cao ghế điều chỉnh được	42	35-50
	Chiều sâu lòng ghế	40	38-43
	Chiều rộng tối thiểu của lòng ghế	52	≥45
	Khoảng để chân	78	≥19
	Tầm nhìn	68	≥50

6.1.2. Chiều cao bề mặt làm việc (thông số 2)

Vị trí quan trắc	Tư thế	Loại công việc	Chiều cao bề mặt làm việc (cm)		Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động (QĐ số 3733/2002/QĐ-BYT)	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
1/ Bàn làm việc Phòng kỹ thuật, Nhân viên: Vũ Minh Toàn	Ngồi	Công việc nhẹ không đòi hỏi chính xác cao	72		60-73	57-70
2/ Bàn làm việc Lễ tân, Nhân viên: Lâm Nguyễn Tường Vy	Ngồi	Công việc nhẹ không đòi hỏi chính xác cao		68	60-73	57-70
3/ Bàn làm việc Kỹ sư cơ khí, Nhân viên: Võ Thanh Hoàng	Ngồi	Công việc nhẹ không đòi hỏi chính xác cao	68		60-73	57-70
4/ Bàn làm việc Phòng an toàn sức khỏe và môi trường, Nhân viên: Lê Thị Tuyết Mai	Ngồi	Công việc nhẹ không đòi hỏi chính xác cao		66	60-73	57-70

6.1.3. Khoảng cách nhìn từ mắt tới vật (thông số 3)

Vị trí quan trắc	Loại công việc	Khoảng cách nhìn từ mắt tới vật (cm)	Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động (QĐ số 3733/2002/QĐ-BYT)
1/ Bàn làm việc Phòng kỹ thuật, Nhân viên: Vũ Minh Toàn	Công việc đòi hỏi chính xác và chính xác vừa	48	35-50
2/ Bàn làm việc Lễ tân, Nhân viên: Lâm Nguyễn Tường Vy	Công việc đòi hỏi chính xác và chính xác vừa	46	35-50
3/ Bàn làm việc Kỹ sư cơ khí, Nhân viên: Võ Thanh Hoàng	Công việc đòi hỏi chính xác và chính xác vừa	48	35-50
4/ Bàn làm việc Phòng an toàn sức khỏe và môi trường, Nhân viên: Lê Thị Tuyết Mai	Công việc đòi hỏi chính xác và chính xác vừa	49	35-50

6.1.4. Không gian để chân (thông số 5)

Vị trí quan trắc	Tư thế lao động	Không gian để chân (cm)	Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động (QĐ số 3733/2002/QĐ-BYT)
1/ Bàn làm việc Phòng kỹ thuật, Nhân viên: Vũ Minh Toàn	<i>Làm việc tư thế ngồi:</i> Chiều rộng Chiều sâu đầu gối Chiều sâu tại mức sàn	80	≥60
		55	≥45
		78	≥65
2/ Bàn làm việc Lễ tân, Nhân viên: Lâm	<i>Làm việc tư thế ngồi:</i> Chiều rộng	80	≥60

Vị trí quan trắc	Tư thế lao động	Không gian để chân (cm)	Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động (QĐ số 3733/2002/QĐ-BYT)
Nguyễn Tường Vy	Chiều sâu đầu gối	58	≥ 45
	Chiều sâu tại mức sàn	82	≥ 65
3/ Bàn làm việc Kỹ sư cơ khí, Nhân viên: Võ Thanh Hoàng	<i>Làm việc tư thế ngồi:</i>		
	Chiều rộng	80	≥ 60
	Chiều sâu đầu gối	52	≥ 45
	Chiều sâu tại mức sàn	76	≥ 65
4/ Bàn làm việc Phòng an toàn sức khỏe và môi trường, Nhân viên: Lê Thị Tuyết Mai	<i>Làm việc tư thế ngồi:</i>		
	Chiều rộng	80	≥ 60
	Chiều sâu đầu gối	50	≥ 45
	Chiều sâu tại mức sàn	80	≥ 65

Nhận xét:

Qua khảo sát **04** vị trí làm việc, với **04** thông số Ecgonomi trong vị trí lao động với máy vi tính tại văn phòng có kết quả như sau:

- Tất cả **04** thông số tại bàn làm việc đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động (công việc áp dụng cho các vị trí làm việc với máy vi tính để bàn).

VI. ĐÁNH GIÁ YẾU TỐ TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM NĂM 2023:

Bảng 8: Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp

STT	Vị trí	Mô tả nội dung công việc	Số lượng người tiếp xúc	Yếu tố tiếp xúc	Bệnh nghề nghiệp có thể phát sinh
I./	VĂN PHÒNG BAN QLTN: TẦNG 1, TẦNG HÀM TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU				
01	Tầng hầm – Nhà để xe	Khu vực để xe	25	Bụi nhóm 4	Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp
II./	KHO ĐỘI HTSX: TẦNG 3 TÒA NHÀ GAS TOWER, VŨNG TÀU				
02	Kho đội hỗ trợ sản xuất	Kho lưu chứa	0	Bụi nhóm 4, CO, Hydrocarbons (1 - 10 C)	Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp

Ghi chú:

- Tại khu vực văn phòng có các yếu tố khác phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở không nằm trong quy định đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp (Khoản 3, Điều 33, Nghị định 44) nên không đánh giá.

VII. TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM – TẦNG HẦM, TẦNG 1 VÀ TẦNG 3 – TẦNG 6 GAS TOWER NĂM 2024:

Bảng 9: Tổng hợp kết quả quan trắc

STT	Yếu tố quan trắc	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
YẾU TỐ VI KHÍ HẬU				
01	Nhiệt độ	06	06	00
02	Độ ẩm	06	06	00
03	Vận tốc gió	06	06	00
04	Bức xạ nhiệt	06	06	00
YẾU TỐ VẬT LÝ				
05	Ánh sáng (Độ rọi)	11	11	00
06	Tiếng ồn chung	06	06	00
YẾU TỐ BỤI				
07	Bụi toàn phần	06	06	00
YẾU TỐ HÓA HỌC				
08	CO ₂	06	06	00
09	CO	01	01	00
10	O ₂	06	06	00
11	Hydrocarbons (1 - 10 C)	01	01	00
YẾU TỐ ĐIỆN TỪ TRƯỜNG				
12	Điện trường	06	06	00
13	Từ trường	06	06	00
ĐÁNH GIÁ TÂM SINH LÝ VÀ ECGONOMY				
14	Đánh giá tư thế lao động làm việc với máy vi tính	04	04	00
Tổng cộng		77	77	00
Tỷ lệ		100%	100%	00%

VIII. NHẬN XÉT

- Tại thời điểm quan trắc, văn phòng hoạt động bình thường.
- Hằng năm công ty có tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.
- Công ty đã trang bị hệ thống điều hòa tại các phòng làm việc.

1. Vi khí hậu:

- Nhiệt độ: Tất cả 06/06 mẫu đo nhiệt độ đều đạt theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.
- Độ ẩm: Tất cả 06/06 mẫu đo độ ẩm đều đạt theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.
- Tốc độ gió: Tất cả 06/06 mẫu đo tốc độ gió đều đạt theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.
- Bức xạ nhiệt: Tất cả 06/06 mẫu đo bức xạ nhiệt đều đạt theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.

2. Ánh sáng (Độ rọi):

- Tất cả 11/11 mẫu đo ánh sáng (độ rọi) đều đạt theo QCVN 22:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.

3. Tiếng ồn chung:

- Tất cả 06/06 mẫu đo tiếng ồn chung đều đạt theo QCVN 24:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.

4. Bụi toàn phần:

- Tất cả 06/06 mẫu đo bụi toàn phần không chứa Silic đều đạt theo QCVN 02:2019/BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.

5. Hơi hóa học và khí độc:

- CO₂: Tất cả 06/06 mẫu đo CO₂ đều đảm bảo theo QCVN 03:2019BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.
- CO: Tất cả 01/01 mẫu đo CO đảm bảo theo QCVN 03:2019BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.
- O₂: Nồng độ O₂ đo được tại tại thời điểm khảo sát ở vị trí đo trong văn phòng làm việc đạt trong ngưỡng cho phép theo OSHA - giá trị O₂ đo được có giá trị 20,7% - 20,9%. Trong hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam hiện nay chưa qui định cụ thể hàm lượng O₂ tại nơi làm việc. Tuy nhiên, căn cứ theo các nghiên cứu của OSHA ở bảng sau:

Bảng 10: Nghiên cứu OSHA về ảnh hưởng của nồng độ O₂ trong không khí

Nồng độ O ₂	Ảnh hưởng
23,5 % thể tích	Mức an toàn cực đại; OSHA
21%	Nồng độ Ôxy trong không khí (20.954)
19,5%	Mức an toàn cực tiểu; OSHA, NIOSH
17%	Suy giảm óc phán đoán khi tiếp xúc
16%	Có dấu hiệu thiếu Ôxy huyết
16-12%	Hô hấp và mạch đập tăng nhanh, sự phối hợp cơ bắp bị suy giảm nhẹ
14-10%	Vẫn còn tỉnh táo nhưng cảm xúc bị rối loạn, mệt mỏi do gắng sức, có biểu hiện rối loạn hô hấp

Nồng độ O ₂	Ảnh hưởng
10-6%	Buồn ói và nôn mửa, có khả năng bất tỉnh
6%	Co giật và hô hấp khó khăn; có thể ngừng thở và sau vài phút, tim có thể ngừng đập

Đối chiếu theo bảng trên thì nồng độ O₂ tại các vị trí khảo sát tốt đối với sức khỏe người lao động.

- Hydrocarbons (1 - 10 C): **01/01** mẫu đo Hydrocarbons (1 - 10 C) đảm bảo theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ **100%** số mẫu đo.

6. Điện từ trường tần số công nghiệp

- Điện trường: Tất cả **06/06** mẫu đo điện trường tần số công nghiệp đều đạt theo QCVN 25:2016/BYT chiếm tỷ lệ **100%** số mẫu đo.
- Từ trường: Tất cả **06/06** mẫu đo từ trường tần số công nghiệp đều đạt theo QCVN 25:2016/BYT chiếm tỷ lệ **100%** số mẫu đo.

IX. KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC:

Để cải thiện và ngày càng nâng cao điều kiện làm việc của người lao động, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc, Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sài Gòn xin đưa ra một kiến nghị như sau:

1. Giải pháp về tổ chức lao động

- Tổ chức phân công, bố trí lao động phù hợp theo giới theo tuổi và theo tình trạng sức khỏe; để tránh trường hợp phải lao động nặng, căng thẳng và góp phần phòng ngừa các rủi ro xảy ra tai nạn lao động, cũng như hạn chế bệnh nghề nghiệp phát sinh.
- Đối với những người lao động ngồi tại văn phòng cần khuyến khích người lao động sau 2 giờ làm việc liên tục trên máy tính nên có những khoảng nghỉ ngắn để giảm căng thẳng cơ xương và thị giác.
- Ngoài ra, người lao động cũng nên được khuyến khích uống nước hợp lý để bù nước do quá trình hydrate hóa. Nước uống có thể là nước hoa quả, thêm vitamin và glucoza. Nếu được làm lạnh và có gas thì càng tốt.
- Thường xuyên vận động, rèn luyện thể lực bằng các bài tập thể dục ngắn, nhẹ sau khoảng 1 đến 2 giờ ngồi làm việc trước máy tính. Tránh các tác động quá mạnh, đột ngột, sai tư thế trong quá trình ngồi làm việc.
- Thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ. Tăng cường chế độ dinh dưỡng bằng cách ăn uống đủ chất, ăn nhiều rau xanh quả tươi, uống đầy đủ nước...

2. Giải pháp về biện pháp kỹ thuật

- Định kỳ vệ sinh hệ thống đèn chiếu sáng bị bám bụi bẩn.
- Lưu ý về vấn đề sử dụng điều hòa nhiệt độ: nên chỉnh điều hòa nhiệt độ tại các phòng trong khoảng thích hợp từ 25°C – 30°C để:
 - + Đảm bảo an toàn cho sức khỏe, tránh tình trạng sốc nhiệt do sự chênh lệch nhiệt độ quá cao trong và ngoài tòa nhà.
 - + Tiết kiệm nguồn năng lượng cho quốc gia.
- Luôn chú ý đến vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm và công tác phòng cháy chữa cháy. Mở cửa hoặc tăng cường thông gió các văn phòng làm việc, phòng họp, nhà kho... ít nhất 15 phút trước giờ làm việc để tạo môi trường thông thoáng, loại trừ các yếu tố độc hại tích tụ.

3. Giải pháp giám sát y tế và sức khỏe

- Duy trì công tác khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp có liên quan.
- Khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm, khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và khám định kỳ bệnh nghề nghiệp theo Thông tư 19/2016/TT-BYT của Bộ Y tế; Quản lý bệnh nghề nghiệp theo Thông tư 28/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016; Quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội theo Thông tư 15/2016/TT-BYT ngày 15/05/2016 và Thông tư 02/2023/TT-BYT ngày 09/02/2023 Bộ Y tế.

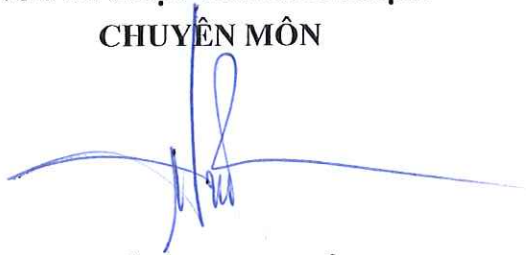
- Tập huấn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu và phòng chống bệnh nghề nghiệp; Quan trắc môi trường lao động định kỳ theo Bộ luật lao động Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 45/2019/QH14 ban hành ngày 20/11/2019, Luật An toàn, Vệ sinh Lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015; Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016.

4. Giải pháp nâng cao nhận thức cho người lao động

- Tập huấn phổ biến các qui định pháp luật về công tác An toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.
- Ngoài ra, cần thường xuyên khuyến cáo cho người lao động về các tác hại của tiếng ồn, điều kiện vi khí hậu nóng ẩm, ô nhiễm không khí.... đối với sức khỏe con người nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức về công tác an toàn và vệ sinh lao động cho họ.

Tại các vị trí quan trắc các yếu tố có hại không đạt giới hạn cho phép (nếu có) đề nghị đơn vị có trách nhiệm xem xét các khuyến nghị trên để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và giải quyết các chế độ theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động./.

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM
CHUYÊN MÔN



NGUYỄN THANH HÙNG

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC QUAN TRẮC
MTLĐ



NGUYỄN HỮU DƯƠNG

Ghi chú:

1. Đính kèm Công văn đồng ý đủ điều kiện quan trắc MTLĐ của Sở Y Tế TP.HCM;
2. Kết quả đo chỉ có giá trị tại thời điểm đo.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2893 /SYT-NVY

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2020

V/v đồng ý với nội dung công bố
đủ điều kiện thực hiện hoạt động
quan trắc môi trường lao động

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sài Gòn
(địa chỉ: số 158/7 Lâm Thị Hố, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP.HCM)

Sở Y tế nhận được Công văn số 17/2020/SGC-MTLĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sài Gòn về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động (phiếu tiếp nhận số 1372000007/TNHS ngày 27 tháng 5 năm 2020).

Căn cứ quy định tại Chương IV, điều 33-34 tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, Sở Y tế có ý kiến như sau:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sài Gòn đã thực hiện đầy đủ hồ sơ công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động theo đúng quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sài Gòn chịu trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã công bố (đính kèm nội dung công bố).

- Sở Y tế sẽ báo cáo Bộ Y tế, tiến hành hậu kiểm định kỳ và đột xuất theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Y tế TP. HCM././b

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QL MTYT - BYT (để b/c);
- Lưu: VP, NVY
VHN, LLH



Nguyễn Hữu Hưng



NỘI DUNG CÔNG BỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: số 158/7 Lâm Thị Hồ, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP.HCM

Số điện thoại: 19001713

Số fax: 028. 3717.3057

Địa chỉ Email: info@hsevn.com.vn

Web-site: www.hsevn.com.vn

2. Người đại diện: Bà Hồ Thị Kim Cúc Chức vụ: Giám đốc

3. Địa chỉ: số 158/7 Lâm Thị Hồ, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP.HCM

4. Số điện thoại: 19001713/ 028- 3717.7392 Số fax: 028. 3717.3057

5. Lĩnh vực đề nghị được công bố: đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động

5.1. Yếu tố vi khí hậu:

- Nhiệt độ;
- Độ ẩm;
- Tốc độ gió;
- Bức xạ nhiệt.

5.2. Yếu tố vật lý:

- Ánh sáng;
- Tiếng ồn chung;
- Tiếng ồn theo dải tần;
- Tiếng ồn liều suất;
- Rung chuyển theo dải tần;
- Vận tốc rung đứng hoặc ngang;
- Phóng xạ, tia X;
- Điện từ trường tần số công nghiệp;
- Điện từ trường tần số cao;
- Bức xạ tử ngoại;
- Áp suất.

5.3. Yếu tố bụi các loại:

- Bụi toàn phần;
- Bụi hô hấp;
- Bụi amiăng;
- Bụi silic;
- Các loại bụi khác (ghi rõ): Bụi hạt Pm10;5;2.5;1;0,5;0,3.
- Bụi than.



5.4 Yếu tố hơi khí độc

- Thủy ngân;
- Asen (có sự dụng phần phụ);
- CO; CO₂; NO₂; SO₂; NH₃;
- Benzen và các hợp chất (Toluence, Xylence);
- Hóa chất trừ sâu: Pyridin (sử dụng thâu phụ);
- Các hóa chất khác (ghi rõ): 1,1 dichloethane; 1,1,2 Trichloro ethan; Acetone; Acetylen; Anilin; Axit acetic; Axit Acrylic; Axit clohydric; Axit fomic; Axit sunfuric; Butanol; Butyl axetat; Clorine; Cresol; Cyclohexan; Cyclohexanol; Chlobenzen; Dầu thông; Etyl mecaptan; Ethanol; Etylen glycol; Formadehyt; Heptan; Hidro sunfua; Hơi axit nitric; Hơi khí MEK; Hydrogen cyanide; Hydrogen fluoride; Hydrogen Peroxit; Metan; Metyl mecaptan; Methanol; Methyl acetat; n hexan; Phenol; Styrence; Tetracloro ethylene; Vinyl axetat; Vinyl chloride; Gasoline; Hơi kiềm; hơi xăng dầu; HC mạch thẳng; Tricloro ethylene; Napthalene.

5.5. Yếu tố tâm sinh lý và Ec-gô-nô-my

- Đánh giá Ec-gô-nô-my: vị trí lao động, tư thế lao động;
- Đánh giá gánh nặng thần kinh, tâm lý: phản xạ thị - vận động, trí nhớ;
- Đánh giá gánh nặng lao động thể lực: tần số tim, huyết áp, lực bóp tay, sức bền cơ.

5.6. Đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp

- Yếu tố vi sinh vật;
- Yếu tố gây dị ứng, mẫn cảm;
- Dung môi;
- Yếu tố gây ung thư.

5.7. Yếu tố khác

- Tổng vi khuẩn hiếu khí, nấm mốc, Staphylococcus aureus, Staphylococcus group A, Pseudomonas aeruginosa, E.coli, Staphylococcus aureus (tụ cầu vàng), Pseudomonas aeruginosa (trực khuẩn mù xanh), Acinetobacter baumannii



